

BẢNG PHÂN CÔNG CÔNG TÁC NĂM HỌC 2023-2024

(Đính kèm Quyết định số 180/QĐ-NAN ngày 28 tháng 8 năm 2023 của trường Tiểu học Nguyễn An Ninh)

STT	Họ và tên	Ngày sinh		năm vào ngành	Chức danh được phân công	Mã số ngạch	Diện	Hệ số lương	Phụ cấp					Phân công nhiệm vụ		Kiểm nhiệm	Tổng số tiết dạy	Trong đó			Ghi chú
		Nam	Nữ						Chức vụ	Trách nhiệm	Ưu đãi	Thâm niên	Vượt khung	Môn dạy	Lớp			Số tiết thực dạy	Số tiết chủ nhiệm	Số tiết kiểm nhiệm	
1	Trần Ngọc Minh	01/09/1971		1994	Hiệu trưởng	V.07.03.07	Biên chế	4.98	0.5		35%	27%		Toán	5E	Bí thư chi bộ	2	2			Đay 2 tiết/tuần lớp 5E
2	Nguyễn Thị Anh Đào		13/11/1977	1998	Phó hiệu trưởng	V.07.03.07	Biên chế	4.65	0.4		35%	23%		Toán	2E, 2G	Phó bí thư chi bộ	4	4			Đay 4 tiết/tuần lớp 2E, 2G
3	Trần Thị Phương Anh		09/04/1969	1988	Phó hiệu trưởng	V.07.03.07	Biên chế	4.98	0.4		35%	33%	7%	Toán	4A, 4E		4	4			Đay 4 tiết/tuần lớp 4A, 4E
4	Đỗ Thị Bích Duyên		08/09/1976	1994	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.98	0.2		35%	27%		Dạy nhiều môn	1THA	Tổ trưởng Tổ 1	28	22	3	3	
5	Nguyễn Thị Hoàng Lan		12/02/1980	2002	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.65	0.15		35%	20%		Dạy nhiều môn	1THB	Tổ phó Tổ 1	26	22	3	1	
6	Nguyễn Đỗ Hồng Hạnh		14/12/1988	2014	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	3.00			35%	7%		Dạy nhiều môn	1THC	UV.BCHCD	27	22	3	2	
7	Trương Kim Nguyễn		18/08/1974	1994	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.98			35%	27%		Dạy nhiều môn	1A		25	22	3		
8	Đặng Thị Hòa		07/03/1969	1990	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.98			35%	30%	5%	Dạy nhiều môn	1B		25	22	3		
9	Huỳnh Thị Bích Phượng		11/10/1993	2014	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	3.00			35%	7%		Dạy nhiều môn	1C	BTCD - TTCĐ 2	27	22	3	2	
10	Trần Thị Đỗ Quyên		12/02/1980	2016	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%	6%		Dạy nhiều môn	1D		25	22	3		
11	Lê Thị Mỹ Linh		14/05/1995	2020	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	1E		25	22	3		
12	Châu Minh Nguyễn		10/03/1993	2016	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%	6%		Dạy nhiều môn	1G		25	22	3		
13	Lê Thị Ngọc Dung		30/04/1975	1995	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.98	0.2		35%	26%		Dạy nhiều môn	2THA	Tổ trưởng Tổ 2	28	22	3	3	
14	Phan Ngọc Thảo		24/03/1976	2017	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	2THB		25	22	3		
15	Lê Thị Anh Loan		04/02/1976	1994	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.98	0.15		35%	24%		Dạy nhiều môn	2A	Tổ phó Tổ 2	26	22	3	1	
16	Huỳnh Thanh Trúc		17/02/1993	2016	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%	6%		Dạy nhiều môn	2B		25	22	3		
17	Nguyễn Thị Châm		14/06/1988	2020	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	2C		25	22	3		
18	Trần Thị Hòa		07/11/1990	2020	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	2D		25	22	3		
19	Phạm Bảo Hân		19/01/1995	2019	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	2E	TTCĐ 2	27	22	3	2	
20	Vân Minh Diễm		13/09/1981	2019	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	2G		25	22	3		
21	Phan Bích Tuyền		15/10/1984	2019	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	2H		25	22	3		
22	Phùng Thị Kim Chuyển		01/01/1973	1993	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.98			35%	28%		Dạy nhiều môn	2I		25	22	3		
23	Đinh Thụy Tường Lan		05/01/1976	1994	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.98	0.2		35%	23%	5%	Dạy nhiều môn	3THA	Chi ủy viên - Tổ trưởng Tổ 3	27	21	3	3	
24	Đoàn Thanh Diễm	07/03/1984		2010	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	3.33			35%	12%		Dạy nhiều môn	3THB	TB TTND - UV.BCHCD	26	21	3	2	
25	Ta Thủy Linh		12/10/1984	2016	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%	6%		Dạy nhiều môn	3A		24	21	3		
26	Lê Kim Phượng		24/01/1991	2019	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	3B	TTCĐ 3	26	21	3	2	
27	Phùng Thị Hải Lý		22/10/1978	2007	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	3.66			35%	14%		Dạy nhiều môn	3C		24	21	3		
28	Phan Thị Thạch Thảo		25/12/1999	2021	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	3D		24	21	3		
29	Nguyễn Khánh Đan		25/12/1999	2022	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	3E		24	21	3		
30	Phạm Thị Bích Hương		11/01/1968	1987	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.98	0.15		35%	31%	5%	Dạy nhiều môn	3G	Tổ phó Tổ 3	25	21	3	1	
31	Nguyễn Thị Thu Thảo		04/07/1973	1994	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.98			35%	27%		Dạy nhiều môn	3H		24	21	3		
32	Trần Thị Mỹ Thuận		27/06/1977	2000	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.65	0.2		35%	23%		Dạy nhiều môn	4THA	Tổ trưởng Tổ 4	28	22	3	3	
33	Ta Thị Diễm Phương		22/11/1989	2010	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	3.66	0.15		35%	11%		Dạy nhiều môn	4THB	Tổ phó Tổ 4	26	22	3	1	
34	Nguyễn Ngọc Tuệ		11/10/2000	2023	Giáo viên	V.07.03.29	Tập sự	1.989			35%			Dạy nhiều môn	4A	Tập sự	27	22	3	2	
35	Lê Thanh Thảo Trâm		22/04/1996	2021	Giáo viên	V.07.03.29	Tập sự	1.989			35%			Dạy nhiều môn	4B	Tập sự+Con nhỏ <12 tháng	31	22	3	6	
36	Nguyễn Thị Kim Duyên		16/10/1979	2009	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	3.66			35%	17%		Dạy nhiều môn	4C		25	22	3		
37	Võ Thị Hương		10/12/1981	2007	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%	16%		Dạy nhiều môn	4D	Con nhỏ <12 tháng	29	22	3	4	
38	Lê Hoài Thương		02/03/1997	2023	Giáo viên	V.07.03.29	Tập sự	1.989			35%			Dạy nhiều môn	4E	Tập sự	27	22	3	2	
39	Trình Thị Thủy		23/08/1975	1998	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	4.32			35%	24%		Dạy nhiều môn	4G		25	22	3		
40	Võ Lê Thanh Vy		04/12/1996	2021	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	4H		25	22	3		
41	Trần Thị Thanh Trúc		31/12/1995	2018	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	4I		29	22	3	4	
42	Nguyễn Thị Phương Tuyền		10/10/1994	2019	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	4N	TTCĐ 4	27	22	3	2	

43	Tống Thị Trang	09/12/1978	2001	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.65	0.2		35%	20%		Dạy nhiều môn	5THA	Tổ trưởng Tổ 5	29	23	3	3	
44	Hà Trúc Thy	02/10/1996	2018	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	5THB	Tổ phó Tổ 5 + UV.BCHCĐ	28	23	3	2	
45	Trần Tây Kiều	14/02/1992	2014	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	3.00			35%	9%		Dạy nhiều môn	5A	TTCD 5	28	23	3	2	
46	Trần Tấn Đạt		2014	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	3.00			35%	7%		Dạy nhiều môn	5B	CTCD	30	23	3	4	
47	Nguyễn Thị Hương Thảo	16/10/1968	1986	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.98			35%	34%	7%	Dạy nhiều môn	5C		26	23	3		
48	Bùi Văn An	02/11/1970	1993	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.98			35%	28%		Dạy nhiều môn	5D		26	23	3		
49	Đặng Trần Thuý Phương	13/06/1995	2017	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy nhiều môn	5E	TKHD	28	23	3	2	
50	Phan Thị Vân Hương	14/01/1980	2007	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	3.66			35%	14%		Dạy nhiều môn	5G		26	23	3		
51	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	25/02/1980	2002	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	4.65			35%	20%		Dạy nhiều môn	5H		26	23	3		
52	Nguyễn Quỳnh Uyên Thy	20/10/1997	2019	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy Mỹ thuật	Khối 3		9	9			
53	Phạm Thị Mai Chi	01/12/1990	2012	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	3.33			35%	9%		Dạy Âm nhạc	Khối 2	P.CTCD	14	10		4	
54	Trần Thị Kim Liên	07/11/1979	2009	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	3.33			35%	17%		Dự khuyết			0				Hồ sản
55	Đặng Nguyệt Mai Trâm	29/10/1994	2016	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%	6%		Dự khuyết			0				Hồ sản
56	Huỳnh Thị Hồng Huệ	22/10/1983	2005	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	3.99	0.2		35%	16%		Dạy Tiếng Anh	5A, 2A, 2B, 4G, 4H	Tổ trưởng Tổ Tiếng Anh	25	22		3	
57	Ngô Thị Tuyền	09/11/1980	2011	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	3.33			35%	10%		Dạy Tiếng Anh	5B, 2E, 2I, 4I, 4N		22	22			
58	Trần Thị Hằng	09/05/1983	2013	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	3.00			35%	8%		Dạy Tiếng Anh	5C, 2H, 2G, 3A, 3B		22	22			
59	Phan Trần Vy Thảo	09/09/1978	2008	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	3.66			35%	13%		Dạy Tiếng Anh	5D, 2C, 2D, 3C, 3D	TTCD AV	24	22		2	
60	Phạm Lê Kim Thảo	23/11/1996	2020	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy Tiếng Anh	5E, 1E, 1G, 3E		18	18			
61	Trần Thị Thu Ý	27/08/1996	2023	Giáo viên		Biên chế (đang chờ QĐ của UBND huyện)							Dạy Tiếng Anh	5G, 1A, 1B, 3G		18	18			
62	Trần Thị Thuý Tiên	22/03/1994	2023	Giáo viên		Biên chế (đang chờ QĐ của UBND huyện)							Dạy Tiếng Anh	5H, 1C, 1D, 3H		18	18			
63	Nguyễn Đức Nghiệp	04/05/1985	2020	Giáo viên		Hợp đồng khoán							Dạy Tiếng Anh	4A, 4B, 4C, 4D, 4E		20	20			
64	Phạm Trọng Thuận	28/10/1991	2018	Giáo viên	V.07.03.08	Biên chế	2.72	0.2		35%	8%		Dạy Tin học	Khối 5; 1A, 1B, 1C	Tổ trưởng Tổ bộ môn Tin học - Nghệ thuật + 3 tiết phòng máy	27	21		6	
65	Lê Thị Thu Hồng	01/01/1982	2009	Giáo viên	V.07.03.08	Biên chế	3.34			35%	18%		Dạy Tin học	Khối 3; 1THA, 1THB, 1THC; 2E, 2G, 2H, 2I, 2THA, 2THB.	+ 3 tiết phòng máy	27	24		3	
66	Nguyễn Quốc Trung	19/02/1995	2022	Giáo viên	V.07.03.29	Tập sự	1.989			35%			Dạy Tin học	Khối 4; 1D, 1E, 1G; 2A, 2B, 2C, 2D	Tập sự + 3 tiết phòng máy	27	22		5	
67	Nguyễn Thị Na	14/10/1979	2002	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	4.32			35%	20%		Dạy Âm nhạc	Khối 1, 4, 5	TTCD BM	31	29		2	
68	Lê Thị Mộng Thu	07/12/1986	2014	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	3.00			35%	7%		Dạy Mỹ thuật	Khối 1, 2, 4		30	30			
69	Đinh Thị Trang	05/05/1994	2022	Giáo viên	V.07.03.29	Biên chế	2.34			35%			Dạy Thể dục	Khối 1, khối 2, 3E, 3G, 3H, 3THA, 3THB	+ 3 tiết phong trào	27	24		3	
70	Nguyễn Minh Hiếu	28/08/1973	1997	Giáo viên	V.07.03.09	Biên chế	4.06			35%	23%	9%	Dạy Thể dục	Khối 4, khối 5, 3A, 3B, 3C, 3D	+ 3 tiết phong trào	27	24		3	
71	Trần Văn Trai	17/02/1970	2004	Giáo viên	V.07.03.07	Biên chế	3.66			35%	9%		Tổng phụ trách Đội - 2 tiết Tin học	2THA, 2THB		2	2			Dạy 2 tiết/tuần lớp 2THA, 2THB
72	Nguyễn Ngọc Tường Vy	26/11/1993	2015	Nhân viên	01.004	Biên chế	2.10						Thư quỹ - Văn thư		Tổ trưởng Tổ Văn phòng					
73	Đông Thảo Nguyễn	13/05/1992	2020	Nhân viên	06.031	Biên chế	2.34						Kế toán							
74	Nguyễn Thị Kim Phúc	23/12/1988	2012	Nhân viên	01.005	Biên chế	2.06						Thư viện - Thiết bị							
75	Phan Thị Thuận Trang	15/02/1991	2014	Nhân viên	V.08.03.07	Biên chế	2.26						Y tế							
76	Nguyễn Thanh Phương	22/04/1996	2023	Nhân viên		Biên chế (đang chờ QĐ của UBND huyện)							Công nghệ thông tin							
77	Nguyễn Thị Thanh Thy	06/08/1972	1994	Nhân viên		Hợp đồng ND111							Phục vụ							
78	Nguyễn Hồng Thuý Tiên	03/02/1993	2013	Nhân viên		Hợp đồng ND111							Phục vụ							
79	Trần An Thái	10/05/1965	2006	Nhân viên		Hợp đồng ND111							Bảo vệ							

